

Bản án số: 37/2023/HSST
Ngày 29/11/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH T

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Thành Hưng, ông Đỗ Cao Phương

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Xuân Huy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện

L

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Mạnh Hùng.

Ngày 29 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh T mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm rút kinh nghiệm đối với vụ án hình sự thụ lý số: 26/2023/TLST-HS ngày 13 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2023/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo:

N T T (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 07/8/1992.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: khu C, xã X, huyện K, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa lớp: 09/12; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông N V T, sinh năm 1955 và bà H T S, sinh năm 1956; Chồng là N V H (đã ly hôn). Bị cáo có 02 con.

Tiền sự, Tiền án: Không;

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện nay bị cáo đang tại ngoại tại xã X, huyện K, tỉnh T (Có mặt).

* *Người bào chữa cho bị cáo Thủy:* Ông Chu Văn Quyền- là luật sư- thuộc Công ty luật hợp danh Hùng Vương T - Đoàn luật sư tỉnh T. Địa chỉ: Số 164, phố Minh Lang, phường Tiên Cát, TP Việt Trì, tỉnh T. (Có mặt).

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh L H H, sinh năm 1989

2. Chị T T T, sinh năm 1992

Đều có địa chỉ: khu Đồng Cạn, thị trấn L, huyện L, tỉnh T (đều vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Thủy, sinh ngày 07/8/1992, ở khu C, xã X, huyện K, tỉnh T (tạm trú tại khu Tân An 2, thị trấn L, huyện L, tỉnh T, mở quán bán hàng cà phê), có quen biết với chị T T T, sinh năm 1992, ở khu Đồng Cạn, thị trấn L, huyện L, tỉnh T.

Đầu tháng 7/2022, Chị T cần tiền để đáo hạn khoản vay tại Ngân hàng nên chị T cùng với anh L H H, sinh năm 1989, ở khu Đồng Cạn, thị trấn L, huyện L (là chồng chị T) đến gặp và hỏi T để vay số tiền 68.000.000 đồng. T bảo với chị T, anh H. T cho vay số tiền 68.000.000 đồng, cộng với số tiền chị T đã nợ trước đó của Thủy 11.000.000 đồng. Tổng cộng là 79.000.000 đồng. Lãi suất 5.000 đồng/ 1.000.0000 đồng/01 ngày (lãi suất tương ứng 180%/năm). T sẽ thu lãi suất hàng ngày (Tiền lãi của 79.000.000 đồng là 395.000 đồng/01 ngày, được tính tròn 400.000đ/ 01 ngày), chị T, anh H đồng ý vay.

Ngày 05/7/2022, T đã chuyển khoản số tiền 68.000.000 đồng từ số tài khoản ngân hàng 8866607081992 của T mở tại Ngân hàng quân đội vào số tài khoản ngân hàng 0986089188 của chị T mở tại Ngân hàng quân đội cho chị T, anh H vay. Từ ngày 06/7/2022, hàng ngày chị T, anh H chuyển trả 400.000 đồng tiền lãi vào tài khoản của T và được Thủy xác nhận trả lãi.

Từ ngày 06/7/2022 đến ngày 03/8/2023 (tương ứng với 392 ngày), Thủy tính thu tiền lãi của chị T, anh H là 151.250.000 đồng; Chị T, anh H hàng ngày chuyển trả tiền lãi qua tài khoản ngân hàng cho Thủy, đã chuyển trả được **42.300.000 đồng** tiền lãi (tương ứng với 109,5 ngày tính lãi), còn nợ lại Thủy số tiền lãi **108.950.000 đồng** (tương ứng với 282,5 ngày tính lãi), những lần nợ trả lãi, Thủy đều nhắn tin nhắc nợ cho chị T, anh H nợ lại. Đến tháng 4/2023, chị T đã trả cho Thủy 5.000.000 đồng tiền nợ gốc. Tháng 5/2023, chị T tiếp tục trả cho Thủy 4.000.000 đồng tiền nợ gốc. Số tiền gốc còn nợ lại 70.000.000 đồng và 108.950.000đ tiền lãi, T đã đòi nhiều lần nhưng chị T, anh H chưa có để trả. Thủy tiếp tục nhắn tin đòi nợ chị T, anh H trên mạng xã hội. Ngày 03/8/2023, chị T đã làm đơn gửi Cơ quan CSĐT Công an huyện L tố giác hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của T và đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Như vậy, ngày 05/7/2022 Thủy đã cho chị T, anh H vay số tiền 79.000.000 đồng, Lãi suất 5.000 đồng /1.000.0000 đồng/01 ngày, T sẽ thu lãi suất hàng ngày (tiền lãi của 79.000.000 đồng là 395.000 đồng/ 01 ngày, được tính tròn 400.000 đồng/01 ngày), Lãi suất tương ứng với 180%/năm, cao gấp 09 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật dân sự.

Điều 468 Bộ luật dân sự quy định: Lãi suất

“1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/ năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp...”

Từ ngày 06/7/2022 đến ngày 03/8/2023 là 392 ngày, Tổng số tiền lãi theo thỏa thuận chị T, anh H phải trả cho T là 151.250.000 đồng. Trong đó: lãi suất từ 01% đến 20% là 16.657.444 đồng. Lãi suất trên 20% là 134.592.556 đồng.

Tổng số tiền lãi chị T, anh H đã trả cho Thủy là 42.300.000 đồng. Trong đó: Lãi suất từ 01% đến 20% là 4.656.206 đồng. Lãi suất trên 20% là 37.643.794 đồng. Như vậy tổng số tiền lãi thu lời bất chính trên 20% mà T đã thu được là 37.643.794 đồng.

Số tiền lãi T chưa thu được là 108.950.000 đồng, trong đó lãi suất từ 01% đến 20% là 12.001.238 đồng, lãi suất trên 20% là 96.948.762 đồng.

Hành vi của N T T cho chị T T T và anh anh L H H vay số tiền 79.000.000 đồng với mức lãi suất 180%/năm, cao gấp 09 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật dân sự, nhằm để thu lời bất chính số tiền **134.592.556 đồng**. Số tiền thu lợi bất chính T đã thu được là 37.643.794 đồng. Hành vi của N T T đã đủ yếu tố cấu thành tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự được quy định tại khoản 2, Điều 201 Bộ luật hình sự.

Ngày 06/8/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện L, tỉnh T đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bị can đối với N T T về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 2, Điều 201 BLHS. Tại cơ quan điều tra bị can đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời khai của T phù hợp với lời khai bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Về vật chứng được thu giữ trong vụ án: Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã yêu cầu bị can N T T giao nộp lại số tiền 9.000.000đ tiền vay gốc và 42.300.000đ tiền lãi (chị T, anh H đã trả cho Thủy) và yêu cầu chị T, anh H giao nộp 70.000.000đ tiền gốc vay. Nhưng số tiền này T, chị T, anh H đã sử dụng hết nên chưa thu giữ được.

Cáo trạng số: 31/CT-VKS-YL ngày 12/10/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện L, đã truy tố N T T về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 2 Điều 201; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Ddieufn 15; Khoản 3 Điều 54; Điều 57 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo N T T.

Xử phạt: Bị cáo N T T từ 120.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng.

* **Về hình phạt bổ sung:** Không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo N T T.

* **Về xử lý vật chứng:** Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước của bị cáo N T T số tiền gốc 9.000.000đ (Chín triệu đồng); Tịch thu nộp ngân sách nhà nước của anh L H H và chị T T T, số tiền gốc 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng).

- Thu hồi để tịch thu nộp ngân sách nhà nước tiền lãi phát sinh từ tội phạm cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự từ 1% - 20% của bị cáo N T T số tiền 4.656.206đ (*Bốn triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm lẻ sáu đồng*).

- Buộc bị cáo T trả khoản tiền lãi phát sinh trên 20% cho chị T, anh H số tiền tương ứng là 37.643.794đ (*Ba mươi bảy triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn bảy trăm chín mươi tư đồng*).

* **Về hình phạt bổ sung:** Không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo N T T.

* **Về án phí:** bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:* Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố vụ án được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng không khiếu nại hay có ý kiến gì nên các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2]. *Về những chứng cứ xác định có tội:*

Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố và phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu chứng cứ được thu thập hợp pháp trong hồ sơ. Như vậy, có đủ căn cứ khẳng định ngày 05/7/2022, N T T đã cho chị T T T và anh L H H ở khu Đồng Cạn, thị trấn L, huyện L, tỉnh T vay tổng số tiền gốc là 79.000.000 đồng, lãi suất cho vay 5.000 đồng /01 triệu đồng/ 01 ngày, tương đương với mức lãi suất là 180%/năm, cao gấp 09 lần so với mức lãi suất cao nhất được quy định tại Bộ luật dân sự là 20%/năm.

Từ ngày 06/7/2022 đến ngày 03/8/2023 là 392, lãi suất mà T và chị T anh H thỏa thuận là 151.250.000 đồng (*trong đó lãi suất từ 1% đến 20% là 16.657.444 đồng, lãi suất trên 20% là 134592.556 đồng*). N T T đã thu của chị T, anh H, tổng số tiền là 42.300.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền trên 20% là 37.643.794 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế gây thiệt hại cho quyền lợi của những người vay. Quá trình điều tra và tại phiên tòa N T T cũng đã thừa nhận hành vi vi phạm pháp luật của bị cáo, điều đó có đủ căn cứ để xác định bị cáo có tội và cần phải được xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

Khoản 1 Điều 201 tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, quy định:

“....1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 3 năm”...

[3]. Xét tính chất mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo:

Tính chất của hành vi là ít nghiêm trọng nhưng bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, có điều kiện để nhận thức và đạt độ tuổi theo quy định của pháp luật, bị cáo có hiểu biết xã hội nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, ảnh hưởng đến quy định của Nhà nước về hoạt động tín dụng gây thiệt hại cho lợi ích của người vay. Do vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Hành vi của bị cáo cần phải xử phạt một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4]. Về các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự và 01 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự là: bố đẻ bị cáo là ông N V T tham gia kháng chiến bảo vệ biên giới phía bắc được tặng thưởng huy chương chiến sỹ vẻ vang và là T binh hạng 1/8. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Trước khi phạm tội bị cáo không có nhân thân hơn nữa số tiền nhẽ ra bị cáo đã thu lợi bất chính nhưng do yếu tố khách quan từ anh H, chị T mà bị cáo chưa nhận được số tiền thu lợi bất chính nên khi quyết định hình phạt cần được xem xét áp dụng tình tiết Phạm tội chưa đạt được quy định tại Điều 15, khoản 3 Điều 54, Điều 57 của bộ luật tố tụng hình sự để quyết định mức hình phạt phù hợp đối với bị cáo.

Căn cứ tính chất hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy rằng: Bị cáo có nơi ở ổn định nên chỉ cần áp dụng Điều 35 của Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt tiền đối với bị cáo cũng đảm bảo trừng trị, giáo dục riêng cũng như phòng ngừa chung trong xã hội.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 điều 201 Bộ luật hình sự quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.

Xét thấy bị cáo hiện tại lao động tự do, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[6]. Về xử lý vật chứng:

- Số tiền gốc 79.000.000 đồng mà bị cáo T đã cho chị T, anh H vay (trong đó chị T, anh H đã trả cho T số tiền là: 9.000.000 đồng, số tiền 70.000.000 đồng anh H, chị T chưa trả cho bị cáo T). Đây là tiền bị cáo N T T sử dụng làm công cụ phương tiện phạm tội nên cần phải tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Tổng số tiền 4.656.206 đồng, là tiền lãi phát sinh từ tội phạm cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự từ 1% - 20%. Đây là khoản tiền bị cáo N T T, thu lợi bất chính của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Số tiền là 37.643.794 đồng, là tiền lãi phát sinh trên 20% bị cáo T thu lợi từ anh H, chị T nên buộc bị cáo T phải trả lại cho anh H và chị T.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng: Bị cáo biết lỗi và nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức hình phạt thấp nhất để bị cáo có cơ hội sửa chữa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 15; khoản 3 Điều 54; Điều 57 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo N T T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt bị cáo N T T 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước.

[3]. Về vật chứng của vụ án: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước của bị cáo N T T số tiền gốc 9.000.000đ (Chín triệu đồng).

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước của anh L H H và chị T T T, số tiền gốc 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng).

- Thu hồi để tịch thu nộp ngân sách nhà nước tiền lãi phát sinh từ tội phạm cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự từ 1% - 20% của bị cáo N T T số tiền 4.656.206đ (Bốn triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm lẻ sáu đồng).

- Buộc bị cáo T trả khoản tiền lãi phát sinh trên 20% cho chị T, anh H số tiền tương ứng là 37.643.794đ (Ba mươi bảy triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn bảy trăm chín mươi tư đồng).

[5]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo N T T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có mặt được quyền kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày được giao, nhận bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Hồ sơ công tác THAHS;
- UBND xã X;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XĐt XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thảo